

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 12 - 2025.

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Minh Hải và bà Trần Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lại Nhật Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Tô Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2025/QĐXX- ST ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị C**, sinh ngày 20/8/1976; Căn cước công dân số: 034176012xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội cấp ngày 01/05/2021. Nơi cư trú: Thôn TN, xã TT, tỉnh HY.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh ngày 02/01/1975; Căn cước công dân số: 034075008xxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội cấp ngày 19/12/2021 ; Hộ chiếu số P00811xxx, cấp ngày: 04/10/2022; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn TT, xã TT, tỉnh HY; Hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Tiệp Khắc.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Đơn khởi kiện và bản tự khai của Nguyên đơn chị Trần Thị C***

trình bày cụ thể như sau: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện VT, tỉnh TB (trước sát nhập) vào ngày 31/12/1995. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sinh sống hạnh phúc đến tháng 7/2024 anh chị đã có những xích mích nhỏ, cùng thời điểm anh T đi lao động xuất khẩu tại Tiệp Khắc. Do khoảng cách về địa lý nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân đã có những rạn nứt, không có hạnh phúc. Quá trình xảy ra mâu thuẫn chị đã nhiều lần tạo điều kiện hòa giải và tác động của các con cùng gia đình hai bên hàn gắn tình cảm với anh T nhưng không thành. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2024, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm với anh T, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn T có 05 con chung Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 01/12/1996; Phạm Thị L, sinh ngày 11/09/1999; Phạm Mai P, sinh ngày 05/07/2006; Phạm Thị Hải Y, sinh ngày 11/06/2008 và Phạm Huy H, sinh ngày 13/10/2010. Hiện nay con Phạm Thị Thùy L, Phạm Thị M và Phạm Mai P đã trên 18 tuổi, có công ăn việc làm và không bị nhược điểm thể chất nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, con Phạm Thị Hải Y, Phạm Huy H đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh T không nợ chung đối với tổ chức và cá nhân nào.

Chị C đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Chị xin tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

**** Anh Phạm Văn T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.***

**** Biên bản xác minh đối với ông Phạm Văn T, sinh năm 1949 và bà Ngô Thị N, sinh năm 1947 đều cư trú thôn TN, xã TT, tỉnh HY (là bố mẹ đẻ anh T) trình bày như sau:***

Về hôn nhân: Điều kiện kết hôn như chị C trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chị C, anh T sống cùng thôn với ông bà nhưng cách nhà khoảng 500m, thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 7/2024 thì anh chị có

mâu thuẫn nhưng ông bà không biết nguyên nhân mâu thuẫn, cũng thời gian đó anh T đi làm ở đâu ông bà không rõ. Nay chị C xin ly hôn anh T, ông bà đề nghị căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh chị có 05 con chung như chị C trình bày, cháu Phạm Thị Thùy L, cháu Phạm Thị M và cháu Phạm Mai P đã trên 18 tuổi, có công ăn việc làm và không bị nhược điểm thể chất còn cháu Phạm Thị Hải Y, Phạm Huy H hiện đang ở với chị C. Đề nghị Toà án căn cứ vào nguyện vọng của chị C và quy định pháp luật để giải quyết.

Về tài sản: Chị C không yêu cầu, ông bà không có ý kiến gì. Anh chị không vay nợ gì ông bà.

*** Biên bản xác minh ngày 14/11/2025 tại UBND xã TT, tỉnh HY:**

Về hôn nhân: Chị C và anh T kết hôn như chị C trình bày là đúng, sau khi kết hôn chị C, anh T sống tại địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do vợ chồng không hoà hợp, anh T không có trách nhiệm với vợ con, anh chị thường xuyên cãi vã. Nay chị C xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh chị có 05 con chung như chị C trình bày, cháu Phạm Thị Thùy L, cháu Phạm Thị M và cháu Phạm Mai P đã trên 18 tuổi có gia đình riêng còn cháu Phạm Thị Hải Y, Phạm Huy H hiện đang ở với chị C, đề nghị Toà án căn cứ vào nguyện vọng chị C và các cháu cũng như quy định pháp luật để giải quyết.

Về tài sản: Chị C không yêu cầu, địa phương không có ý kiến gì. Anh chị không có khoản nợ chung nào tại địa phương.

Hiện anh T làm gì, ở đâu địa phương không biết, anh T không làm thủ tục xuất khẩu lao động ra nước ngoài qua địa phương, nên địa phương không biết.

*** Lời khai của con chung cháu Phạm Thị Hải Y, Phạm Huy H**

trình bày: Hiện nay cháu đang ở với mẹ, trường hợp bố mẹ cháu ly hôn cháu đề nghị được ở với mẹ vì từ nhỏ mẹ đã chăm sóc các cháu và thuận tiện cho việc học và đón đưa các cháu.

*** Lời trình bày của Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 01/12/1996, Địa chỉ: Thôn TT, xã TT, tỉnh HY (là con chị C, anh T) trình bày:** Chị L đã lấy chồng nhưng chị thường xuyên liên lạc với bố chị là anh T qua mạng xã hội Facebook hoặc Zalo với tên đăng nhập là Phạm Văn T. Bố chị nói hiện đang lao động sinh sống tại Tiệp Khắc, chị có hỏi bố địa chỉ thì bố không cung cấp vì nói lao động nay chỗ này, mai chỗ khác nên không có địa chỉ cụ thể.

Quá trình liên lạc với bố chị, chị đã thông báo với bố là mẹ đã làm đơn ly hôn bố tại Toà án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên, bố chị có nói vấn đề ly hôn tự mẹ quyết định, bố không có ý kiến gì vì bố chị xác định cũng không còn tình cảm với mẹ, bố cũng không nói chuyện với mẹ từ khoảng cuối năm 2017 do mỗi lần nói chuyện đều xảy ra cãi vã, chửi nhau. Còn đối với các em của chị thì bố chị cũng đồng ý để mẹ chị tiếp tục nuôi dưỡng.

Các giấy tờ Toà án gửi cho bố chị, bố chị cũng nhất trí gửi qua chị hoặc qua ông bà nội chị, chị sẽ có trách nhiệm thông báo lại cho bố chị. Bố chị cũng nói là không thể về được nên không đến Toà án để trình bày và cũng không viết văn bản trình bày về được do không xin được xác nhận của Đại sứ quán.

*** Theo văn bản trả lời của Phòng quản lý xuất nhập khẩu Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp:** Anh Phạm Văn T xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 08/7/2024 qua sân bay Quốc tế Nội Bài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228, 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 3, điểm a, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối Cao; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm b, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử lý hôn giữa chị Trần Thị C và anh Phạm Văn T; đề nghị giao con Phạm Thị Hải Y và Phạm Huy H cho chị

C nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Tòa án không ra giải quyết. Về án phí: chị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị C có đơn xin ly hôn anh Phạm Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn TN, xã TT, tỉnh HY, nhưng đang sinh sống và lao động tại Tiệp Khắc. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, khoản 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án, thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

[1.2] Sau khi Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án chị Trần Thị C xin ly hôn anh Phạm Văn T theo thủ tục chung, chị C đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: cung cấp bản tự khai, các chứng cứ chứng minh và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ, sau đó chị C có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn - anh Nguyễn Văn Thoi không có văn bản gửi cho Tòa án, cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện VT, tỉnh TB (trước sát nhập) vào ngày 31/12/1995 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến tháng 7/2024 anh chị đã có những xích mích nhỏ, cùng thời điểm anh T đi lao động xuất khẩu tại Tiệp

Khắc. Do khoảng cách về địa lý nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Chị C xác định chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2024, không còn quan tâm đến nhau, chị xác định không còn tình cảm với anh T. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Như vậy, hôn nhân của chị C và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử lý hôn giữa chị Trần Thị C và anh Phạm Văn T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị C và anh Phạm Văn T có 05 con chung Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 01/12/1996; Phạm Thị M, sinh ngày 11/09/1999; Phạm Mai P, sinh ngày 05/07/2006; Phạm Thị Hải Y, sinh ngày 11/06/2008 và Phạm Huy H, sinh ngày 13/10/2010. Hiện nay cháu Phạm Thị Thùy L, Phạm Thị M và Phạm Mai P đã trên 18 tuổi, có công ăn việc làm và không bị nhược điểm thể chất nên không đặt ra giải quyết. Cháu Phạm Thị Hải Y, Phạm Huy H đang ở với chị C. Ly hôn, chị C đề nghị Tòa án giao hai cháu Phạm Thị Hải Y, Phạm Huy H chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Xét thấy nguyện vọng của chị C, cháu Yến, cháu Hoàng và hiện anh T không có ở nhà. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao Cháu Phạm Thị Hải Y, Phạm Huy H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Trần Thị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: chị Trần Thị C phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, khoản 3 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Bộ luật tổ tụng dân sự, Luật tổ tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị C và anh Phạm Văn T.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Phạm Thị Hải Y, sinh ngày 11/06/2008 và Phạm Huy H, sinh ngày 13/10/2010 cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị Trần Thị C không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị C, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0000171 ngày 29/7/2025 của phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Hưng Yên thành tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – Hưng Yên
- Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên

- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Lưu hồ sơ
- Lưu hành chính tư pháp./.

Nguyễn Thị Xuân Huyền